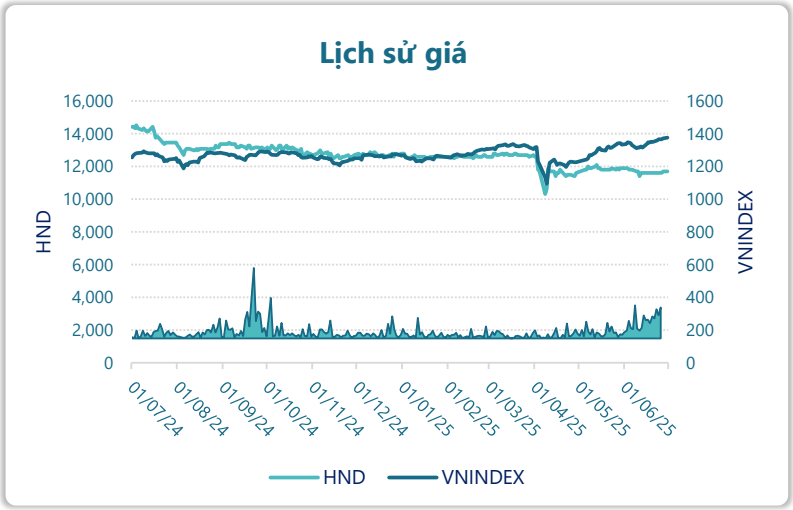
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (UPCOM: HND)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,521
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,313
SL cổ phiếu LH	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,810
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,900
P/E	14.8
EPS	797

DT thuần

Q2/25

2,972

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 315| 11.8%

YoY: ▼480| -13.9%

LN sau thuế

Q2/25

242

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 76.0| 45.6%

YoY: ▼34.0| -12.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

6T 2025

5,629

tỷ VNĐ

YoY: ▼612| -9.8%

LN sau thuế

6T 2025

408

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.0| -5.4%

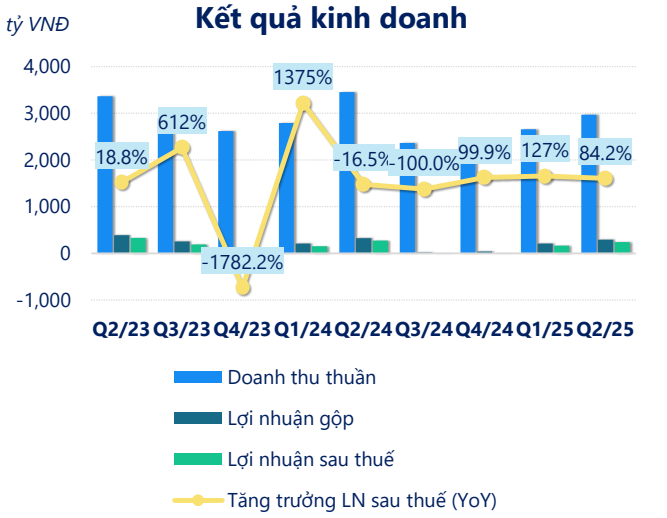
ROE

Q2/25

6.5%

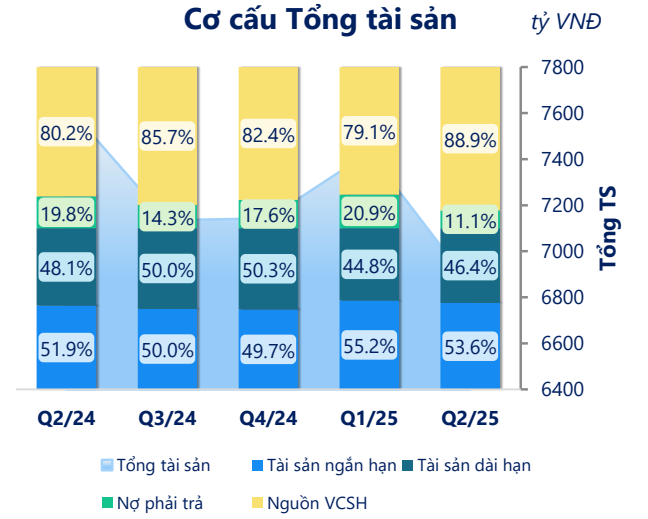
+/- YoY: ▼ 1.6%

Kết quả kinh doanh



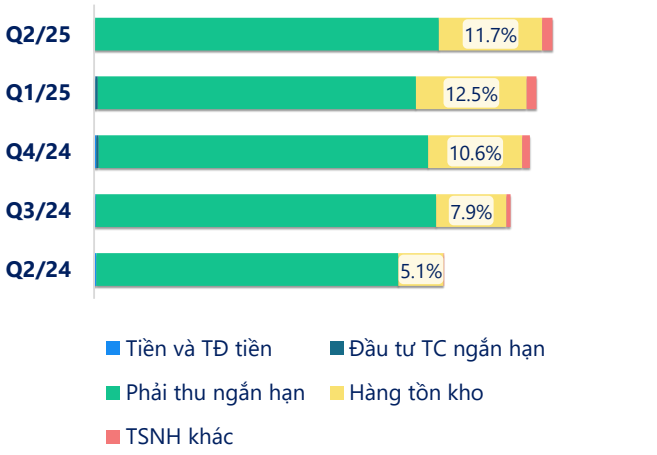
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



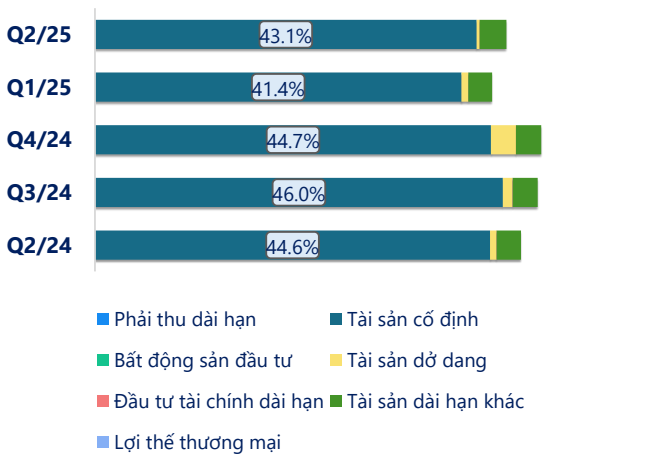
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



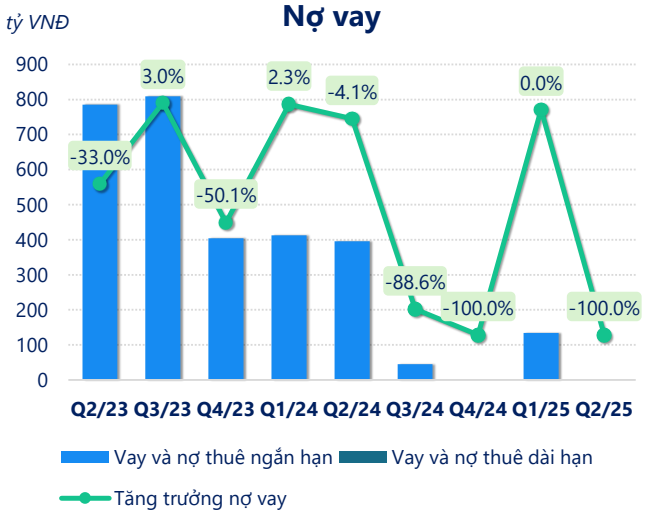
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



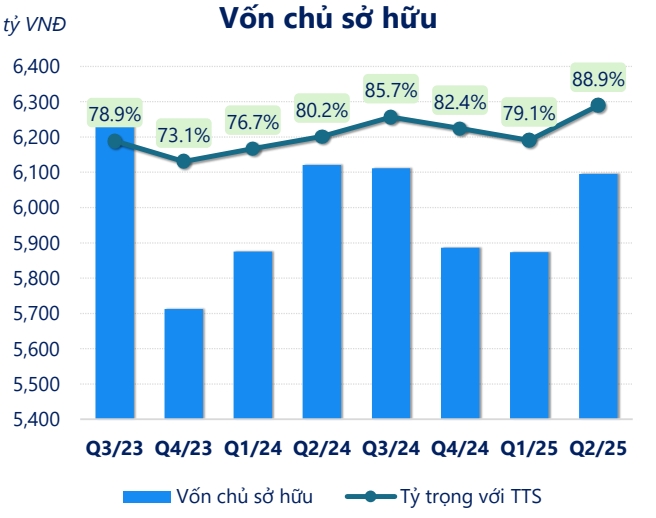
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



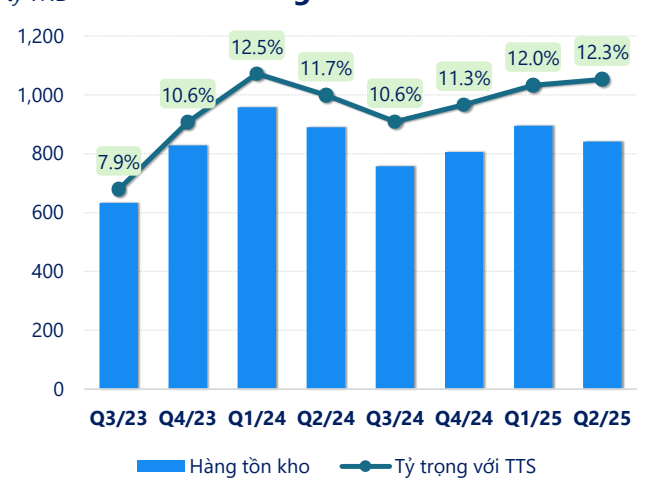
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



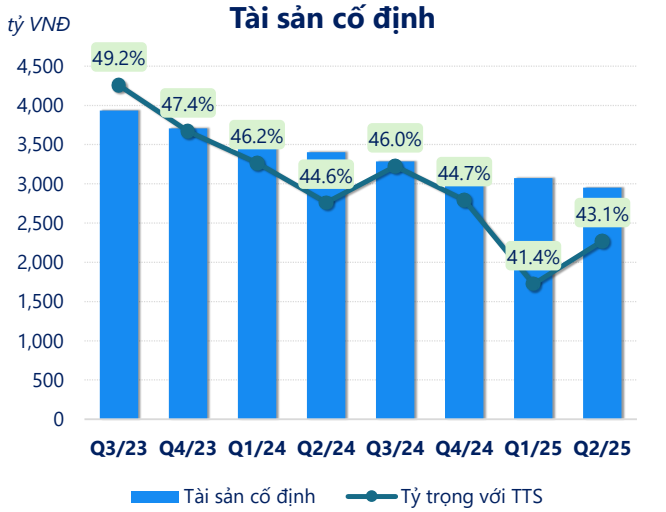
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



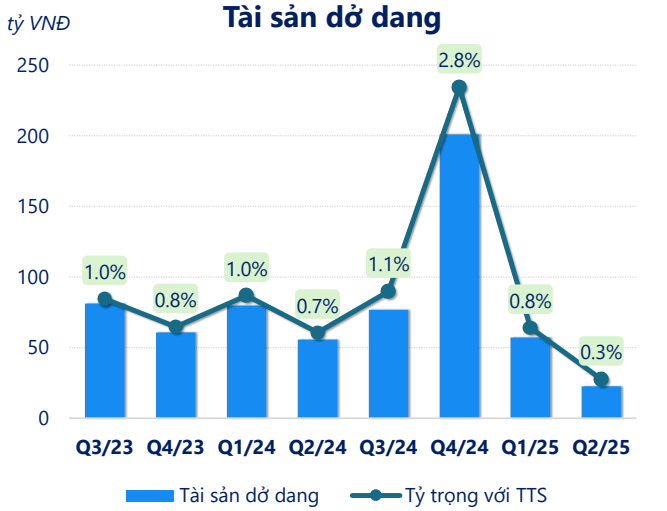
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



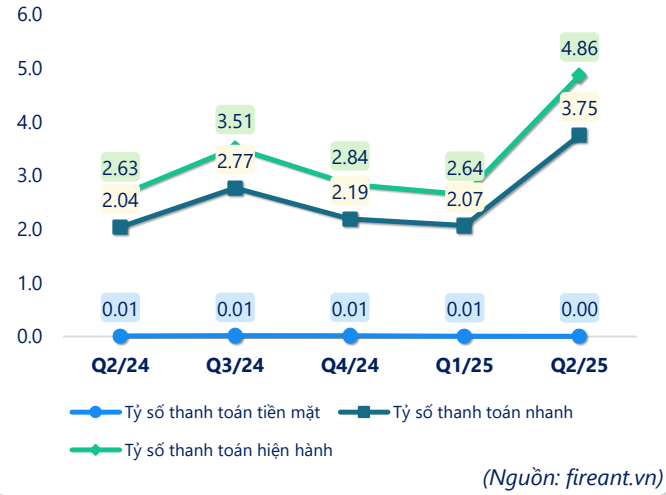
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



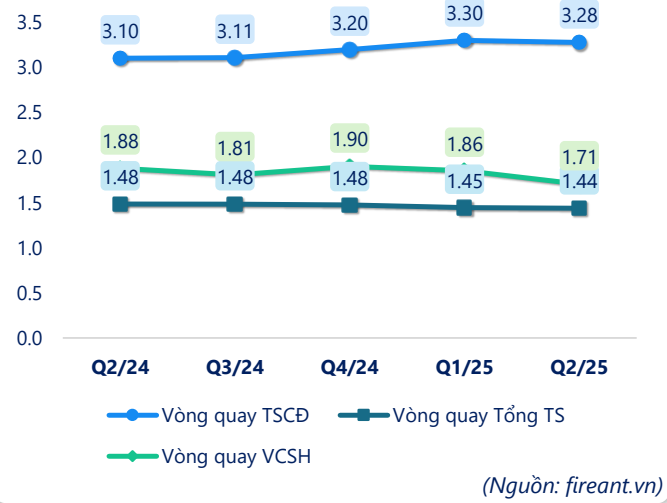
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**7,634**	**7,135**	**7,143**	**7,430**	**6,857**
Tài sản ngắn hạn	**3,963**	**3,570**	**3,547**	**4,099**	**3,673**
Tiền và tương đương tiền	17.8	14.0	18.2	12.1	3.11
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	5.00	15.0	15.0	0
Phải thu ngắn hạn	2,962	2,696	2,569	3,017	2,667
Hàng tồn kho	890	757	806	895	842
Tài sản ngắn hạn khác	87.9	98.6	139	160	161
Tài sản dài hạn	**3,671**	**3,565**	**3,596**	**3,330**	**3,183**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3,404	3,284	3,192	3,073	2,953
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	55.6	76.9	201	57.2	22.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dài hạn khác	211	203	202	200	207
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,514**	**1,024**	**1,257**	**1,556**	**761**
Nợ ngắn hạn	**1,506**	**1,016**	**1,251**	**1,550**	**755**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	396	45.0	0	134	0
Phải trả người bán ngắn hạn	902	844	969	1,242	643
Nợ dài hạn	7.86	7.79	6.01	5.94	5.88
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,120**	**6,111**	**5,886**	**5,873**	**6,096**
Vốn chủ sở hữu	**6,120**	**6,111**	**5,886**	**5,873**	**6,096**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)